TRƯỜNG CĐ CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC
KHOA: KHOA HỌC CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 5 năm 2020

TIẾN ĐỘ ĐÀO TẠO HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019 - 2020 (Bậc Cao đẳng và Trung cấp)
CHUYÊN NGÀNH: DÙNG CHUNG CHO CÁC NGÀNH --- KHOÁ 17,18,19

STT	Mã LHP	Tên HP	Tên CBGD	Số Tiết	Số TC	Tháng 5			Tháng 6					Tháng 7				Tháng 8			
						11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24
						17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	22	29
					Tuần	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54
4	DCC10005301	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Thanh Hà	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
5	DCC10005302	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Thanh Hà	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
6	DCC10005303	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Trương Xuân Hùng	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
7	DCC10005304	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Trương Xuân Hùng	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
8	DCC10005305	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Mạnh Tưởng	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
9	DCC10005306	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Mạnh Tưởng	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
10	DCC10005307 + DCC10009201	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Mạnh Tưởng	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
11	DCC10005308	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Mạnh Tưởng	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			

12	DCC10005309	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Nguyễn Thanh Hà	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
13	DCC10005311	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Đặng Khánh Chương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
14	DCC10005312	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Đặng Khánh Chương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
15	DCC10005313	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Huỳnh Quốc Dũng	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
16	DCC10005314	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Huỳnh Quốc Dũng	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
19	DCC10013101 + 19211DCC10001201 +	Chính trị 1	Nguyễn Thị Chuẩn	45	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	6	**THI**	**THI**
20	DCC10013201	Chính trị 2	Hoàng Hải Đông	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	6	**THI**	**THI**
21	DCC10013202	Chính trị 2	Hoàng Hải Đông	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	6	**THI**	**THI**
22	DCC10013203	Chính trị 2	Hoàng Hải Đông	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	6	**THI**	**THI**
23	DCC10013204	Chính trị 2	Hoàng Hải Đông	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	6	**THI**	**THI**
24	DCC10013205	Chính trị 2	Lưu Thị Thu Hương	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	6	**THI**	**THI**
25	DCC10013206	Chính trị 2	Lưu Thị Thu Hương	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	6	**THI**	**THI**
26	DCC10013207	Chính trị 2	Đinh Thị Bắc	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	6	**THI**	**THI**
27	DCC10013208	Chính trị 2	Hoàng Hải Đông	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	6	**THI**	**THI**

29	DCC10022001	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
30	DCC10022002	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
31	DCC10022003	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
32	DCC10022004	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
33	DCC10022005	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
34	DCC10022006	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
35	DCC10022007	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
36	DCC10022008	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
37	DCC10022009	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
38	DCC10022010 +DCT40005001	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
39	DCC10022011	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
40	DCC10022012	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			

41	DCC10022013	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
42	DCC10022014	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
43	DCC10022015	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
44	DCC10022016	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
45	DCC10022017	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
46	DCC10022018	Pháp luật	Nguyễn Thùy Châu	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
47	DCC10022019	Pháp luật	Nguyễn Thùy Châu	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
48	DCC10022020	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
49	DCC10022021	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
50	DCC10028001	Giáo dục chính trị	Lưu Thị Thu Hương	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
51	DCC10028002	Giáo dục chính trị	Lưu Thị Thu Hương	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
52	DCC10028003	Giáo dục chính trị	Đinh Thị Bắc	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
53	DCC10028004	Giáo dục chính trị	Đinh Thị Bắc	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**

54	DCC10028005	Giáo dục chính trị	Đinh Thị Bắc	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
55	DCC10028006	Giáo dục chính trị	Trần Cường	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
56	DCC10028007	Giáo dục chính trị	Trần Cường	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
57	DCC10028008	Giáo dục chính trị	Trần Cường	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
58	DCC10028009	Giáo dục chính trị	Vũ Thị Thu Huyền	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
59	DCC10028010	Giáo dục chính trị	Vũ Thị Thu Huyền	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
60	DCC10028011	Giáo dục chính trị	Vũ Thị Thu Huyền	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
61	DCC10028012	Giáo dục chính trị	Vũ Thị Thu Huyền	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
62	DCC10028013	Giáo dục chính trị	Tô Thanh My	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
63	DCC10028014	Giáo dục chính trị	Trần Cường	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
64	DCC10028015	Giáo dục chính trị	Nguyễn Thị Chuẩn	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
65	DCC10028016	Giáo dục chính trị	Nguyễn Thị Chuẩn	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
66	DCC10028017	Giáo dục chính trị	Nguyễn Thị Chuẩn	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
67	DCC10028018	Giáo dục chính trị	Hoàng Hải Đông	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
68	DCC10028019	Giáo dục chính trị	Hoàng Hải Đông	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
69	DCC10028020	Giáo dục chính trị	Tô Thanh My	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**

70	DCC10028021	Giáo dục chính trị	Tô Thanh My	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
71	DCC10028022	Giáo dục chính trị	Tô Thanh My	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
72	DCC10028023	Giáo dục chính trị	Nguyễn Thị Chuẩn	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
73	DCC10029001 + DCC10009101	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Lâm Văn Vũ	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
74	DCC10029002	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Lâm Văn Vũ	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
75	DCC10029003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Ngô Văn Quang	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
76	DCC10029004	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Ngô Văn Quang	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
77	DCC10029005	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Ngô Văn Quang	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
78	DCC10029006	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Ngô Văn Quang	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
79	DCC10029007	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Văn Úy	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
80	DCC10029008	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Văn Úy	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
81	DCC10029009	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Văn Úy	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
82	DCC10029010	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Văn Úy	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**

83	DCC10029012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Đào Công Bin	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
84	DCK10001001 + DCC10015001	Kỹ năng giao tiếp	Lê Minh Trung	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
85	DCK10001002	Kỹ năng giao tiếp	Lê Minh Trung	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
86	DCK10001003	Kỹ năng giao tiếp	Lê Minh Trung	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
87	DCK10001004	Kỹ năng giao tiếp	Lê Minh Trung	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**			
88	DCK10003101	Giáo dục thể chất 1	Lê Vĩnh Đài	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
89	DCK10003102	Giáo dục thể chất 1	Lê Vĩnh Đài	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
90	DCK10003103	Giáo dục thể chất 1	Lê Vĩnh Đài	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
91	DCK10003104	Giáo dục thể chất 1	Lê Vĩnh Đài	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
92	DCK10003105	Giáo dục thể chất 1	Phan Minh Chí	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
93	DCK10003106	Giáo dục thể chất 1	Phan Minh Chí	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
94	DCK10003107	Giáo dục thể chất 1	Phan Minh Chí	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
95	DCK10003108	Giáo dục thể chất 1	Phan Minh Chí	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
96	DCK10003109	Giáo dục thể chất 1	Trương Quang Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
97	DCK10003110	Giáo dục thể chất 1	Trương Quang Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		

98	DCK10003111	Giáo dục thể chất 1	Trương Quang Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
99	DCK10003113	Giáo dục thể chất 1	Phạm Thị Hồng Lụa	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
100	DCK10003114	Giáo dục thể chất 1	Phạm Thị Hồng Lụa	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
101	DCK10003115	Giáo dục thể chất 1	Phạm Thị Hồng Lụa	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
102	DCK10003116	Giáo dục thể chất 1	Phạm Thị Hồng Lụa	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
103	DCK10003117	Giáo dục thể chất 1	Phan Minh Chí	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
104	DCK10003201	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
105	DCK10003202	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
106	DCK10003203	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
107	DCK10003204	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
108	DCK10003205	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
109	DCK10003206	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
110	DCK10003207	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
111	DCK10003208	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		

112	DCK10003209	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
113	DCK10003210	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
114	DCK10003211	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
115	DCK10003212	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
116	DCK10003213	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
117	DCK10003214	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
118	DCK10003215	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
119	DCK10003216	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
120	DCK10003217	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
121	DCK10003218	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
122	DCK10003219	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
123	DCK10003220	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
124	DCK10003221	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
125	DCK10003222	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		

126	DCK10003223	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
127	DCK10003224	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
128	DCK10003225	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
129	DCK10003226	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
130	DCK10003227	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
131	DCK10003228	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
132	DCK10003229	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
133	DCK10003230	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
134	DCK10003231	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
135	DCK10003232	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
136	DCK10003233	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
137	DCK10003234	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
138	DCK10003235	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
139	DCK10003237	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
140	DCK10003238	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		

141	DCK10003239	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
142	DCK10003240	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
143	DCK10003241	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
144	DCK10003242	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
145	DCK10003243	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
146	DCK10003244	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
147	DCK10003245	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
148	DCK10003246	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
149	DCK10003247	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
150	DCK10003248	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
151	DCK10003249	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
152	DCK10003250	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
153	DCK10003251	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
154	DCK10003252	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
155	DCK10003253	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
156	DCK10003254	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		

157	DCK10003255	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			
158	DCK10003256	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			
159	DCK10003257 + DCK10003301	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			
160	DCK10003258	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			
161	DCK10003301	Giáo dục thể chất 3	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2			
162	DCK10005201	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Nguyễn Thanh Hà	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	6	**THI**	**THI**	
163	DCK10005202 + 19221DCT40001201 + 19221DCT40001301	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Ngô Văn Quang	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	6	**THI**	**THI**	
164	DCK10005203	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Ngô Văn Quang	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	6	**THI**	**THI**	
B	**Trình độ Trung cấp**																					
170	DCT40003001	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	1	3	3	3	3	3						**THI**	**THI**					
171	DCT40003002	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	1	3	3	3	3	3						**THI**	**THI**					
173	DCT40010501	Hóa học 2A	Trần Ngọc Dũng	75	2	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		**THI**
175	DCT40014001	Ngữ văn 1	Đinh Thị Bắc	80	4	9	9	9	9	9	9	9	8	9								**THI**
176	DCT40014002	Ngữ văn 1	Võ Thanh Dũ	80	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**

177	DCT40014003 + DCT10011701 + DCT40011501	Ngữ văn 1	Võ Thanh Dũ	80	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**
178	DCT40022001	Vật lý 1	Phạm Đình Khải	60	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		**THI**			
179	DCT40022002	Vật lý 1	Tạ Khánh Quỳnh	60	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		**THI**			
180	DCT40022003	Vật lý 1	Tạ Khánh Quỳnh	60	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		**THI**			
181	DCT40023001	Vật lý 2	Phạm Đình Khải	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		**THI**
182	DCT40026001	Hóa học 1	Phạm Vũ Nhật Uyên	60	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		**THI**			
183	DCT40026002	Hóa học 1	Phạm Vũ Nhật Uyên	60	3	9	9	9	9	9	9	6							**THI**			
184	DCT40028001	Hóa học 3	Trần Ngọc Dũng	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5		**THI**
185	DCT40030001	Lịch sử 1	Lê Văn Trọng	45	2	5	5	5	5	5	5	5	5	5		**THI**	**THI**					
186	DCT40033001	Địa lý 1	Nguyễn Việt Hương	45	2	5	5	5	5	5	5	5	5	5		**THI**	**THI**					
187	DCT40036001	Giáo dục chính trị	Tô Thanh My	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**				
188	DCT40036002	Giáo dục chính trị	Tô Thanh My	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**				
189	DCT40036003	Giáo dục chính trị	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		**THI**	**THI**				
190	DCT40037001	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Văn Úy	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	6	**THI**	**THI**	

191	DCT40037002	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Văn Úy	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	6	**THI**	**THI**	
192	DCT40037003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Thanh Hà	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	6	**THI**	**THI**	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 05 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG **TRƯỞNG PHÒNG QLĐT** **TRƯỞNG KHOA**